

a) Củng cố, kiện toàn tổ chức phòng, chống HIV/AIDS từ Trung ương đến địa phương, đảm bảo thống nhất một đầu mối, nhằm đạt hiệu quả cao trong chỉ đạo và hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

b) Tăng cường các hoạt động can thiệp giảm thiểu tác hại, hạn chế lây nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng. Đẩy mạnh công tác giám sát dịch tễ HIV/AIDS, an toàn truyền máu, điều trị, dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS từ mẹ sang con; phòng, chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục; tăng cường phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS qua các dịch vụ y tế.

c) Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý, chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS. Tổ chức nghiên cứu và xây dựng dự án sản xuất thuốc điều trị HIV/AIDS trình Chính phủ phê duyệt.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và có kiến nghị bổ sung, sửa đổi Pháp lệnh Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). Thực hiện đúng các cam kết quốc gia, quốc tế của Chính phủ Việt Nam trong công tác phòng, chống HIV/AIDS.

7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Y tế tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

NỘI VỤ - TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên tịch số 03/2003/TTLT-BNV-BTC ngày 17/02/2003 hướng dẫn thực hiện điều chỉnh tiền lương, trợ cấp và sinh hoạt phí đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí thuộc ngân sách nhà nước.

Thực hiện Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương, sau khi có ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 290/BLĐTBXH-TL ngày 28/01/2003 và của Ban Tổ chức Trung ương tại Công văn số 2293/CV-TCTW ngày 24/01/2003, liên tịch Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp và sinh hoạt phí thuộc ngân sách nhà nước như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Cán bộ, công chức khu vực hành chính, sự nghiệp, đảng, đoàn thể, bao gồm những người được tuyển dụng, hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế đang làm việc, đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng trong và ngoài nước, cụ thể:

- Cán bộ, công chức hành chính, sự nghiệp thuộc các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện và các tổ chức sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

- Cán bộ, công chức trong biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc các cơ quan đảng, đoàn thể từ Trung ương đến cấp huyện;

- Cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được biệt phái làm việc ở xã, phường, thị trấn;

- Cán bộ, công chức trong biên chế nhà nước được biệt phái làm việc ở các Hội, các dự án và tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam mà tiền lương do ngân sách nhà nước đài thọ.

2. Cán bộ xã, phường, thị trấn (dưới đây gọi chung là cán bộ xã), cụ thể:

- Cán bộ xã đang công tác theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ;

- Phó trưởng công an xã, Công an viên tại xã theo quy định tại Nghị định số 40/1999/NĐ-CP ngày 23/6/1999 của Chính phủ;

- Phó chỉ huy quân sự xã theo quy định tại Nghị định số 35/CP ngày 14/6/1996 và Nghị định số 46/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ;

- Cán bộ xã già yếu nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 và Quyết định số 111/HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

3. Giáo viên mầm non trong biên chế nhà nước theo Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Cán bộ y tế xã, phường, thị trấn hưởng lương theo Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 và Quyết định số 131/TTg ngày 04/3/1995 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hưởng sinh hoạt phí theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 301/NQ-UBTVQH ngày 25/6/1996 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

II. CÁCH TÍNH LẠI MỨC LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP VÀ SINH HOẠT PHÍ

Các đối tượng nêu tại Mục I của Thông tư liên tịch này được tính lại mức lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức hành chính, sự nghiệp, đảng, đoàn thể:

Căn cứ vào hệ số mức lương và mức phụ cấp hiện hưởng quy định tại Nghị quyết số 35/NQ-UBTVQH9 ngày 17/5/1993 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 69/QĐ-TW ngày 17/5/1993 của Ban Bí thư Trung ương, Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ và mức lương tối thiểu được điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ để tính lại mức lương và mức phụ cấp như sau:

1.1. Công thức tính lại mức lương:

$$\begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{thực hiện} \\ \text{từ} \\ 01/01/2003 \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{tối thiểu} \\ 290.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{mức lương} \\ \text{hiện hưởng} \end{array}$$

1.2. Công thức tính lại mức phụ cấp:

a) Đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương tối thiểu:

$$\begin{array}{l} \text{Mức phụ} \\ \text{cấp thực} \\ \text{hiện từ} \\ 01/01/2003 \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{tối thiểu} \\ 290.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số phụ} \\ \text{cấp hiện} \\ \text{hưởng} \end{array}$$

b) Đối với các khoản phụ cấp tính theo tiền lương ngạch, bậc, chức vụ (chức vụ dân cử, bầu cử):

$$\begin{array}{l} \text{Mức phụ} \\ \text{cấp thực} \\ \text{hiện từ} \\ 01/01/2003 \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{thực hiện} \\ \text{từ} \\ 01/01/2003 \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \% phụ} \\ \text{cấp được} \\ \text{hưởng theo} \\ \text{quy định} \end{array}$$

c) Riêng khoản phụ cấp của các chức danh bầu cử chuyên trách các cấp Hội Cựu chiến binh Việt Nam được tính theo tỷ lệ quy định hiện hành với mức lương chức vụ tương đương của đoàn thể cùng cấp đã điều chỉnh tại Thông tư liên tịch này.

1.3. Công thức tính lại mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu lương:

$$\begin{array}{l} \text{Mức tiền của hệ} \\ \text{số chênh lệch bảo} \\ \text{lưu lương (nếu} \\ \text{có) thực hiện từ} \\ 01/01/2003 \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{tối thiểu} \\ 290.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{chênh lệch} \\ \text{bảo lưu} \\ \text{lương hiện} \\ \text{hưởng} \end{array}$$

09640499

1.4. Đối với các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

2. Mức sinh hoạt phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cán bộ xã đang công tác và đã nghỉ việc hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước tính cụ thể như sau:

2.1. Mức sinh hoạt phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Căn cứ vào hệ số mức sinh hoạt phí hiện hưởng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại khoản 2 Điều 48 Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 301/NQ-UBTVQH ngày 25/6/1996 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tính lại mức sinh hoạt phí theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức sinh} \\ \text{hoạt phí} \\ \text{thực hiện} \\ \text{từ} \\ 01/01/2003 \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{tối thiểu} \\ 290.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số mức} \\ \text{sinh hoạt} \\ \text{phí hiện} \\ \text{hưởng} \end{array}$$

2.2. Mức sinh hoạt phí đối với cán bộ xã đang công tác.

a) Đối với chức danh bầu cử theo nhiệm kỳ và chức danh khác thuộc Ủy ban nhân dân xã, được điều chỉnh mức sinh hoạt phí như sau:

- Bí thư Đảng ủy xã hoặc Bí thư chi bộ nơi chưa có Đảng ủy xã, từ 393.800 đồng/tháng lên 543.800 đồng/tháng;

- Phó Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, từ 379.200 đồng/tháng lên 523.700 đồng/tháng;

- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Thường trực Đảng ủy xã (nơi Bí thư hoặc Phó Bí thư kiêm chức danh Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), Chủ tịch Mặt trận, trưởng các đoàn thể nhân dân xã (Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh), Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã, Trưởng công an xã, từ 350.000 đồng/tháng lên 483.300 đồng/tháng;

- Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, từ 335.400 đồng/tháng lên 463.200 đồng/tháng;

- Các chức danh khác thuộc Ủy ban nhân dân xã, từ 306.300 đồng/tháng lên 423.000 đồng/tháng.

Đối với các chức danh bầu cử và các chức danh khác thuộc Ủy ban nhân dân xã nêu trên khi được tái cử hoặc được tiếp tục công tác (tính từ năm thứ 6 trở đi) được hưởng chế độ phụ cấp 5% tính theo mức sinh hoạt phí đã điều chỉnh tại Thông tư liên tịch này.

b) Đối với cán bộ chuyên môn:

- Cán bộ thuộc bốn chức danh chuyên môn (tư pháp - hộ tịch; địa chính; tài chính - kế toán; Văn phòng Ủy ban nhân dân xã) đã được vận dụng xếp mức sinh hoạt phí theo hệ số lương ngạch, bậc công chức quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ, thì áp dụng công thức tính tại mức sinh hoạt phí như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức sinh} \\ \text{hoạt phí} \\ \text{thực hiện} \\ \text{từ} \\ 01/01/2003 \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{tối thiểu} \\ 290.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số mức sinh} \\ \text{hoạt phí hiện hưởng} \\ \text{đã được vận dụng} \\ \text{xếp theo tiền lương} \\ \text{công chức} \end{array}$$

Việc nâng mức sinh hoạt phí tương ứng với bậc và hệ số lương của công chức đối với bốn chức danh chuyên môn này thực hiện theo quy định tại tiết 1.2 điểm 1 Mục II Thông tư liên tịch số 99/1998/TTLT-TCCP-BTC-BLĐTBXH ngày 19/5/1998 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cán bộ chuyên môn chưa có bằng cấp chuyên môn qua đào tạo do Nhà nước cấp, không được vận dụng xếp mức sinh hoạt phí theo hệ số lương ngạch, bậc công chức, thì áp dụng công thức tính lại mức sinh hoạt phí như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức sinh} \\ \text{hoạt phí} \\ \text{thực hiện từ} \\ 01/01/2003 \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức sinh hoạt} \\ \text{phí đã hưởng} \\ \text{tháng 12/2002} \\ \text{theo quy định} \end{array} \times \frac{290.000 \text{ đồng}}{210.000 \text{ đồng}}$$

c) Cán bộ xã được phân công nhiều chức danh khác nhau thì được hưởng mức sinh hoạt phí và

phụ cấp (nếu có) của một chức danh có mức sinh hoạt phí và phụ cấp cao nhất. Khi không kiêm nhiệm, thì đảm nhận chức danh nào hưởng sinh hoạt phí và phụ cấp (nếu có) theo chức danh đó.

2.3. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Phó trưởng công an xã và Phó chỉ huy quân sự được điều chỉnh bằng mức sinh hoạt phí của các chức danh khác thuộc Ủy ban nhân dân xã; mức phụ cấp hàng tháng đối với Công an viên tại xã bằng một phần ba (1/3) mức sinh hoạt phí của Trưởng công an xã.

2.4. Mức trợ cấp đối với cán bộ xã già yếu nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 và Quyết định số 111/HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) do ngân sách nhà nước đài thọ, được điều chỉnh mức trợ cấp như sau:

- Mức trợ cấp của nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, từ 197.000 đồng/tháng lên 272.000 đồng/tháng;

- Mức trợ cấp của nguyên Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Hội đồng nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã, từ 189.600 đồng/tháng lên 261.800 đồng/tháng;

- Mức trợ cấp của các chức danh còn lại, từ 175.000 đồng/tháng lên 241.700 đồng/tháng.

2.5. Đối với cán bộ y tế xã, phường, thị trấn hưởng lương theo Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 và Quyết định số 131/TTg ngày 04/3/1995 của Thủ tướng Chính phủ và giáo viên mầm non trong biên chế nhà nước theo Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ, thì thực hiện việc điều chỉnh mức tiền lương và phụ cấp như đối với cán bộ, công chức hành chính, sự nghiệp theo cách tính quy định tại điểm 1 Mục II của Thông tư liên tịch này.

III. XÁC ĐỊNH NHU CẦU QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, TRỢ CẤP VÀ SINH HOẠT PHÍ TĂNG THÊM NĂM 2003

1. Các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý các đối tượng được hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí căn cứ vào hướng dẫn đối tượng và cách tính lại mức lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt

phí quy định tại Mục I và Mục II của Thông tư liên tịch này và thực tế số đối tượng có mặt đến ngày 31 tháng 12 năm 2002 có trách nhiệm:

- Xác định quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí đã được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư liên tịch này;

- Xác định nhu cầu quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí tăng thêm;

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính xác định khả năng đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí tăng thêm, gửi cơ quan quản lý cấp trên (theo mẫu số 1 (*) đối với cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, mẫu số 3 (*) và mẫu số 4 (*) đối với đơn vị xã, phường, thị trấn), để cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp gửi Bộ, cơ quan Trung ương trực tiếp quản lý theo mẫu số 2a (*) hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo mẫu số 2b (*) đối với khối hành chính, sự nghiệp, đảng, đoàn thể, số 3 (*) đối với khối xã phường, thị trấn đang công tác và mẫu số 4 (*) đối với cán bộ xã, phường nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước.

2. Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, thẩm định và tổng hợp nhu cầu quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí tăng thêm; tính toán, xác định, tổng hợp khả năng đảm bảo nguồn quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí tăng thêm theo các mẫu số 2a và mẫu số 6 (*) (đối với các Bộ, ngành ở Trung ương); theo các mẫu số 2b, số 3, số 4 và số 5 (*) (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) báo cáo về Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính (mỗi Bộ 1 bản) trước ngày 15 tháng 3 năm 2003.

3. Bộ Tài chính kiểm tra, đánh giá khả năng đảm bảo nguồn quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí để xác định nhu cầu bổ sung nguồn năm 2003 cho các Bộ, ngành và địa phương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ sung nguồn cho các Bộ, ngành và địa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ. Sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính thực hiện giao số bổ sung nguồn còn thiếu cho các Bộ, ngành và địa phương theo quy định tại tiết b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ.

(*) Không in biểu mẫu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Liên Bộ Nội vụ - Tài chính yêu cầu Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc khẩn trương thực hiện theo đúng các quy định tại Thông tư liên tịch này. Liên Bộ sẽ tổ chức kiểm tra việc thực hiện Thông tư liên tịch này và kết quả thực hiện Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ ở một số Bộ, ngành, địa phương.

2. Đối với lao động thực hiện theo chế độ hợp đồng, nếu tiền lương trong hợp đồng lao động được ký theo hệ số mức lương quy định của Nhà nước thì cũng được vận dụng điều chỉnh tiền lương theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này, nhưng nguồn kinh phí để chi trả tiền lương và phụ cấp đối với các đối tượng này được thực hiện như sau:

2.1. Đối với lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, nguồn kinh phí chi trả tiền lương và phụ cấp thực hiện theo quy định hiện hành, không thuộc quỹ tiền lương của cơ quan, đơn vị;

2.2. Đối với lao động hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, nguồn kinh phí chi trả tiền lương và phụ cấp được lấy từ nguồn thu ngoài kinh phí ngân sách nhà nước cấp, không thuộc quỹ tiền lương của cơ quan, đơn vị.

3. Khi chi trả mức lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí được điều chỉnh đối với các đối tượng quy định tại Thông tư liên tịch này, thì phải thu ngay tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trích nộp kinh phí công đoàn (nếu có) theo quy định của Nhà nước trên cơ sở mức lương, phụ cấp và sinh hoạt phí đã được tính lại theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

4. Tổ chuyên viên liên Bộ giúp việc Ban Chỉ đạo nghiên cứu cải cách chính sách tiền lương Nhà nước giúp Ban Chỉ đạo nghiên cứu, phân tích các kết quả thực hiện Thông tư liên tịch này và các kết quả thực hiện Nghị định số 03/2003/NĐ-CP để hoàn thiện Đề án cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công.

5. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành theo hiệu lực thi hành của Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ.

Tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí của các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư liên tịch này được hưởng từ ngày 01 tháng 01 năm 2003.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về liên Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính nghiên cứu, giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

ĐỖ QUANG TRUNG

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải số 294/2003/QĐ-BGTVT ngày 28/01/2003 ban hành Quy định trách nhiệm và hình thức xử lý đối với tổ chức, cá nhân khi vi phạm về quản lý, điều hành hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe cơ giới đường bộ.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức và Pháp lệnh Chống tham nhũng ngày 26 tháng 02 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 3 năm 1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;